| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ Đ**<br>TỈNH LÂM ĐỒNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02 – 02- 2024
V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* Bà Lê Thị Minh Hoà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Phú

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

***- Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thuỷ- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 828/2023/TLST - HNGĐ ngày 15/11/2023 về tranh chấp: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị **Lâm Hồ Mai D**, sinh năm:1995 (có mặt).

Địa chỉ: Số 35/2, đường P, Phường T, Tp Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: số 3/3, đường Y, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*Bị đơn*: Anh **Nguyễn Đức T**, sinh năm: 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 35/2, đường P, Phường Q, Tp Đ, tỉnh Lâm Đồng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nguyên đơn chị Lâm Hồ Mai D trình bày:

**- Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Nguyễn Đức T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015 trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Q, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi cưới, cả hai sống tại nhà chồng tại 35/2 đường P, Phường Q, thành phố Đ. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vì quan điểm sống khác biệt không tìm được tiếng nói chung. Anh T thường xuyên đánh đập chị khi chị làm không theo ý, chị đi làm công cho người ta thì anh T bảo chị ứng tiền nhưng chị không làm theo là bị đánh đập, trong khi đó anh T đi làm về không đưa tiền cho chị. Cuộc sống áp lực, thường xuyên cải vã nhau, anh T chửi bới xúc phạm đến chị và cha mẹ chị. Chị và hai bên gia đình có khuyên nhủ nhưng anh T không chịu thay đổi. Cuối tháng 10 năm 2023, chị phải đưa con về nhà cha mẹ chị sống, từ đó anh T đe doạ đòi giết chị và cha mẹ.

Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

**- Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Lâm Bảo N, sinh ngày 03/9/2015. Hiện con đang ở với chị. Khi ly hôn, chị có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của con. Hàng tháng chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

**- Về tài sản chung:** Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải xem xét quyết.

**- Về nợ chung:** Vợ chồng chị không nợ chung nên tôi không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Đức T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà.

Theo bản tự khai và biên bản hoà giải ngày 19/12/2023 thì anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D. Trường hợp ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con do vợ chồng thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét. Về tài sản chung và nợ chung, anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

*Tại phiên tòa,* chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T. Về con chung, chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét. Về nợ chung, chị D xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị D. Về con chung, giao con chung là Nguyễn Lâm Bảo N, sinh ngày 03/9/2015 cho chị D có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị D không yêu cầu nên không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Đức T đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên tòa hôm nay nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Đức T theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn cả hai sống tại 35/2 đường P, Phường Q, thành phố Đ. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T đã trầm trọng do anh T không chăm lo làm ăn, thường xuyên đánh đập chị D. Ngoài ra trong cuộc sống hàng ngày, anh T còn dùng những lời lẽ xúc phạm, đe dọa làm cho chị D luôn sống trong sợ hãi, căng thẳng.

Tại phiên toà, chị D xác định không còn tình cảm với anh T và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D nhưng không tham gia phiên toà, không có động thái muốn hàn gắn và cũng không đưa ra được định hướng cho cuộc sống chung của vợ chồng trong thời gian tới.

Từ đó có cơ sở xác định cuộc sống chung của vợ chồng chị D và anh T không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị D, xử cho chị D và anh T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung là Nguyễn Lâm Bảo N, sinh ngày 03/9/2015. Hiện con đang ở với chị D. Khi ly hôn, chị D có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Còn anh T thì đồng ý nhường lại quyền nuôi con cho chị D khi vợ chồng ly hôn, việc cấp dưỡng nuôi con chung sẽ do vợ chồng thỏa thuận. Cháu Nguyễn Lâm Bảo N có nguyện vọng được sống với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý của trẻ nhỏ cần tiếp tục giao con chung cho chị D có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị D không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị D và anh T xác định không có tài sản chung. không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị D và anh T xác định vợ chồng không có nợ chung. không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lâm Hồ Mai D, xử cho chị Lâm Hồ Mai D và anh Nguyễn Đức T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Lâm Bảo N, sinh ngày 03/9/2015 cho chị D có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000061 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, chị D đã nộp đủ án phí.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15*(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND phường Q, thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đã ký và đóng dấu**

**Lê Thị Minh Hoà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Phú - Nguyễn Thị Mỹ Hạnh** **Lê Thị Minh Hoà**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND Phường 6, tp. Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thúy Ngọc**